

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG
Số: 03/TTK-MSTT

Gói thầu: Mua sắm tập trung trang thiết bị y tế cho
Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm tập trung trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BQLDDCN ngày 18/8/2020 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm tập trung trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa;

Căn cứ Thông báo số/TB-BQLDDCN ngày 18/8/2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi về Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm tập trung trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa;

Căn cứ Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung mua sắm tập trung số 03/BBTT-MSTT ngày 17/8/2020 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA;

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A):

Tên đơn vị: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

Quyết định thành lập số 429/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện là Ông: Võ Thành Trung

Chức vụ: Phó Giám đốc.

(Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Địa chỉ: 504 Quang Trung, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại: 02553714357

Fax: 02553828760

II. Nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B):

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA

Giấy đăng ký kinh doanh: 0300483319

Đại diện là Ông: Bs. Bùi Hữu Hiền Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lầu 2,3,4,5,6 tòa nhà 509-515 Tô Hiến Thành, phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 0236.375.9456

Số tài khoản giao dịch: 111 000 004 580 tại Sở giao dịch II Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0300483319

Hai bên thống nhất ký thỏa thuận khung mua sắm tập trung với các nội dung sau:

Điều 1. Danh mục tài sản cung cấp:

1. Chung loại, số lượng tài sản cung cấp: *(kèm theo phụ lục)*.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa.

Điều 2. Giá bán tài sản:

Giá trị thỏa thuận khung: **7.940.000.000 VNĐ.**

(Bằng chữ: Bảy tỷ, chín trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Giá trên đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, chi phí bốc xếp, vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, bảo hành và một số chi phí khác có liên quan theo quy định.

(Kèm theo phụ lục)

Điều 3. Tạm ứng, thanh toán, thanh lý thỏa thuận khung:

1. Thời hạn và phương thức thanh toán: Bên mua sắm tài sản *(hay Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản)* sẽ tạm ứng, thanh toán cho Nhà thầu cung cấp tài sản số tiền theo giá bán tại Điều 2, mức tạm ứng hợp đồng, số lần thanh toán và phương thức thanh toán tùy theo sự thỏa thuận giữa Bên mua sắm tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản được nêu cụ thể trong Hợp đồng mua sắm tài sản giữa 02 bên và phải phù hợp với quy định hiện hành.

2. Thanh lý: Thỏa thuận khung sẽ được chấm dứt khi Hợp đồng mua sắm tài sản giữa Bên mua sắm tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản hoàn thành việc nghiệm thu, bàn giao tài sản đưa vào sử dụng và thanh lý hợp đồng giữa 02 bên được ký kết.

Điều 4. Thời gian, địa điểm, tiến độ bàn giao tài sản

1. Thời gian giao tài sản: Thời gian cung cấp hàng hoá trùng thầu cụ thể theo thoả thuận trong hợp đồng được ký kết giữa Bên mua sắm tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản.

2. Địa điểm giao tài sản: Theo Hợp đồng ký kết giữa Bên mua sắm tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản.

3. Tiến độ thực hiện: Không quá 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 5. Bảo hành, bảo trì; đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản

1. Bảo hành:

Thời hạn bảo hành thiết bị: Tối thiểu 12 tháng được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Trường hợp thời gian bảo hành của nhà sản xuất >12 tháng thì áp dụng thời gian bảo hành của nhà sản xuất.

2. Điều kiện bảo hành, bảo trì:

Nhà thầu cung cấp tài sản có trách nhiệm bảo hành tài sản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và cam kết trong hồ sơ dự thầu, trong trường hợp bảo hành của nhà sản xuất cao hơn thời gian bảo hành trong hồ sơ dự thầu thì lấy theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất. Trong thời gian bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm khắc phục kịp thời những sự cố do lỗi của nhà sản xuất theo như cam kết trong hồ sơ dự thầu.

Chi phí thực hiện nghĩa vụ bảo hành: được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Nhà thầu và Đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản.

Trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thực hiện hợp đồng bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu ngay sau khi nhận được thông báo của Bên mua sắm tài sản về các lỗi này (được quy định cụ thể trong hợp đồng ký kết giữa 2 bên). Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên mua sắm tài sản có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa đề chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu phải chấp thuận giá trị trên và không có quyền khiếu nại.

3. Đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản:

Nhà thầu cung cấp tài sản chịu trách nhiệm hướng dẫn sử dụng, vận hành cho bên mua sắm tài sản trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng (nếu có).

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị mua sắm tập trung:

- Ký kết thoả thuận khung với Nhà thầu cung cấp tài sản.
- Thông báo bằng văn bản đến đơn vị mua sắm tài sản biết để ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu cung cấp tài sản.

- Theo dõi việc thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm tài sản và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản giữa Nhà thầu cung cấp tài sản và Bên mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật.

- Đăng tải danh sách các nhà thầu được lựa chọn, thoả thuận khung được ký kết giữa nhà thầu và đơn vị mua sắm tập trung, tài liệu mô tả tài sản, mẫu hợp đồng mua sắm trên Trang thông tin điện tử về tài sản công hoặc Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công (đối với tất cả các gói thầu mua sắm tập trung) và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của đơn vị mua sắm tập trung theo quy định theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và các quy định liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản:

- Ký kết hợp đồng và thanh lý, quyết toán hợp đồng mua sắm tài sản với đơn vị mua sắm, sử dụng tài sản (*Hợp đồng phải được ký kết tối đa không quá 10 ngày sau khi Thoả thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực và có Thông báo của Đơn vị mua sắm tập trung*);

- Phát hành hóa đơn bán hàng cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản;

- Phát hành phiếu bảo hành thiết bị theo yêu cầu của đơn vị mua sắm, sử dụng tài sản;

- Ký kết biên bản nghiệm thu, bàn giao tiếp nhận tài sản với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Cung cấp đầy đủ các tài sản, mô tả chi tiết tên, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ của hàng hóa, số lượng ... theo Điều 1 của Thoả thuận khung này.

- Thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do bên mua sắm tập trung hoặc bên mua sắm tài sản.

- Chấp nhận thanh toán theo kế hoạch vốn được cấp thẩm quyền giao theo quy định và không có kiến nghị về sau. Trường hợp đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản chưa được cấp có thẩm quyền bố trí vốn để thanh toán cho nhà thầu thì phần giá trị chậm thanh toán không được tính theo lãi suất gửi ngân hàng.

- Yêu cầu về thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng, nếu thời gian bảo hành của nhà sản xuất > 12 tháng thì áp dụng thời gian bảo hành thiết bị theo nhà sản xuất.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng với bên mua sắm tài sản, đồng thời với việc cung cấp hàng hóa, nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh hàng hóa cung cấp hợp pháp, đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng như: CO, CQ, tờ khai hải quan hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm được cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với hàng hóa nhập khẩu); bản tiếp nhận công bố đủ tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm (đối với hàng hóa sản xuất trong nước). Trong trường hợp cụ thể do bên mua sắm tài sản quy định và phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn.

- Trường hợp cấp thẩm quyền thay đổi về định mức các thiết bị chuyên dùng có giá trị giảm so với giá trị theo kế hoạch mua sắm đã phê duyệt (nếu có) thì các bên sẽ thương thảo để đảm bảo không vượt giá định mức được duyệt.

- Trường hợp Nhà thầu không cung cấp đủ các yêu cầu nêu trên thì đơn vị mua sắm tài sản có quyền từ chối việc thực hiện hợp đồng đối với mặt hàng không đáp ứng, đồng thời Nhà thầu sẽ chịu mất tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với các mặt hàng đó, nhà thầu không có quyền khiếu nại gì về sau.

3. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản:

3.1. Ký kết Hợp đồng:

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu cung cấp tài sản đã được đơn vị tổ chức mua sắm tập trung ký thỏa thuận khung;

- Hợp đồng mua sắm tài sản được lập theo **Mẫu số 05a/TSC-MSTT**, Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số Điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

- Hợp đồng phải được ký kết trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký kết Thỏa thuận khung và có Thông báo của bên mua sắm tập trung.

- Từ chối việc thực hiện hợp đồng trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết. Trong trường hợp này, đơn vị mua sắm tài sản thông báo cho bên mua sắm tập trung để đơn vị mua sắm tập trung tiếp tục mời đơn vị dự thầu có xếp hạng tiếp theo (nếu có) để thương thảo thỏa thuận khung và triển khai mua sắm theo quy định.

- Trường hợp có những vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng với đơn vị trúng thầu liên quan đến thỏa thuận khung, thì kịp thời thông báo đến Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi để phối hợp giải quyết.

3.2. Kiểm tra, tiếp nhận tài sản:

Tổ chức nghiệm thu, tiếp nhận và sử dụng hàng hóa, thiết bị, chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa thiết bị được bàn giao theo quy định.

Lập Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản theo mẫu quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số Điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan (nếu có), gồm:

- Hợp đồng mua sắm tài sản;
- Hóa đơn bán hàng;
- Phiếu bảo hành;
- Hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng;
- Các tài liệu khác có liên quan;
- Các văn bản giấy tờ khác.

3.3. Tạm ứng, thanh toán:

Việc tạm ứng, thanh toán tiền mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật (*tạm ứng tối đa 50%*), theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu cung cấp tài sản.

Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí được bố trí theo đúng niên độ, trường hợp được chuyển nguồn thì thực hiện các thủ tục chuyển nguồn theo quy định tại điều 64 Luật ngân sách.

3.4. Thanh lý:

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm Thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà thầu cung cấp tài sản theo mẫu quy định.

- Quyết toán kinh phí mua sắm tài sản.

- Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu cung cấp tài sản.

3.5. Gửi các hồ sơ liên quan về Đơn vị tổ chức mua sắm tập trung:

Các văn bản (*bản chính*) liên quan bao gồm: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản; Thanh lý, Quyết toán hợp đồng giữa Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản đều phải gửi 01 bản cho Đơn vị tổ chức mua sắm tập trung để làm cơ sở thanh lý Thỏa thuận khung. Trong quá trình tổ chức thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần trao đổi thì Đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản gửi bằng văn bản về Ban quản lý để phối hợp giải quyết.

3.6. Theo dõi trên sổ sách kế toán: Việc theo dõi tài sản trên sổ kế toán, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 7. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung

Thỏa thuận khung có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi Bên A nhận đầy đủ các hồ sơ liên quan tại Khoản 3.5, Điều 6 của Thỏa thuận khung này.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm yêu cầu nhà thầu cung cấp tài sản thực hiện bảo lãnh hợp đồng để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng, giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng tối đa không quá 03% giá trị thỏa thuận khung đã ký kết, thời gian phát hành bảo lãnh theo thỏa thuận trong hợp đồng được ký kết giữa Bên mua sắm tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản. Cụ thể như sau:

7.940.000.000 x 03 % = 238.200.000 đồng, (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn)

- Hình thức bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo lãnh của ngân hàng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi thiết bị được đơn vị trực tiếp

mua sắm tài sản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

- Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện Hợp đồng với đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản tương ứng với giá trị của từng hợp đồng mua sắm tài sản mà đơn vị từ chối ký hợp đồng. Đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện hợp đồng khi bên B đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng đã ký kết và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

Điều 9. Bất khả kháng:

1. Trong Thỏa thuận khung này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hoả hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch....

2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

3. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Thỏa thuận khung do điều kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Thỏa thuận khung của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

4. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Thỏa thuận khung theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 10 của Thỏa thuận khung này.

Điều 10. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp:

1. Luật áp dụng đối với Thỏa thuận khung là pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên sẽ giải quyết thông qua đàm phán trực tiếp, thương lượng và hoà giải trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lợi ích của nhau.

2. Trường hợp quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc đàm phán cuối cùng không thành công, thì hai bên sẽ đưa vấn đề tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên.

Điều 11. Xử phạt do vi phạm Thỏa thuận khung:

1. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Bên A, mức bồi thường thiệt hại do vi phạm Thỏa thuận khung căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành và thỏa thuận giữa Bên A và Bên B.

2. Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Bên B không thực hiện đúng tiến độ qui định của Thỏa thuận khung thì Bên B sẽ phải chịu mức phạt tối đa không quá 12% phần giá trị công việc chậm tiến độ (mức cụ thể do 2 bên thống nhất trong hợp đồng).

Điều 12. Điều khoản chung:

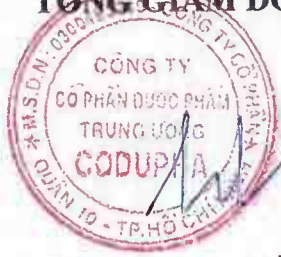
Thỏa thuận khung có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các tài liệu kèm theo thỏa thuận khung là một bộ phận không tách rời của thỏa thuận khung:

- Thương thảo thỏa thuận khung.
- Quyết định phê duyệt đơn vị trúng thầu.

Thỏa thuận khung được lập thành 07 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đơn vị tổ chức mua sắm tập trung giữ 02 (hai) bản, nhà thầu giữ 02 (hai) bản, Sở Tài chính giữ 01 (một) bản, Sở Y tế giữ 01 (một) bản Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản giữ 01 (một) bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TRUNG ƯƠNG CODUPHA
TỔNG GIÁM ĐỐC**



BS. Bùi Hữu Hiền

**ĐẠI DIỆN BÊN A
BQL DA ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH
DD&CN TỈNH QUẢNG NGÃI
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Thành Trung